CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 24 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***227 910***	***39 641***	***188 269***			
I		**CẢNG CHÍNH**						**45 690**	**13 511**	**32 179**			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						***14 480***	***13 511***	***969***			
1		ĐT TMDV VINACOMIN	17/06	952/06	30/06	BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030	485	546	DỞ		
2		KDT MIỀN BẮC	23/06	1020/06		TRƯỜNG AN 125	CÁM 5A.1	5 050	4 821	229	24/06		
3		ĐẠM NINH BÌNH	23/06	1025/06	30/06	NB 8927	CÁM 4A.1	2 900	2 820	80	24/06		
4		KDT HÀ BẮC	22/06	1019/06	30/06	BN 0937	CÁM 5A.1	1 170	1 164	6	24/06	PTCB	
5		THAN MIỀN NAM	24/06	1026/06	30/06	HOÀNG ANH 668	CÁM 5A.1	4 330	4 222	108	24/06		
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						***31 210***		***31 210***			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
4		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HJAN L1
7		ĐT TMDV VINACOMIN	18/06	953/05	30/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	GIA HẠN L1
8		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
9		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
10		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
11		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
12		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
13		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
14		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
15		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
16		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
17		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
18		ĐẠM HÀ BẮC	19/06	1011/06	30/06	TĐ 09-VT	CÁM 4A.1	2 352		2 352			
		Tàu chuyển tải						**121 400**	**15 490**	**105 910**			
		Tàu đang làm hàng						***43 300***	***15 490***	***27 810***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	14 890	7 910	DỞ		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	600	19 900	DỞ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						***78 100***		***78 100***			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 24 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/06	1013/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	29 600		29 600			TTCO: 18.600- CLM:5.000 - KDT CP:6.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 21	23/06	1021/06		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.10	23 000		23 000			
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**39 621**	**4 012**	**35 609**			
	Tàu đã làm hàng							***4 200***	***4 012***	***188***			
1		COALIMEX	21/6	938	30/6	BN - 2056	CỤC 1B	1 000	836	164		TD	
2		CP DVVT QNINH	23/6	995	30/6	BN - 2078	CÁM 8A	1 100	1 096	4	24/6	TD	
3		CP ĐTTM&DV	23/6	979	30/6	QN - 8785	CÁM 8A	2 100	2 081	19	24/6	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***35 421***		***35 421***			
1		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
3		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650		TD	
4		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
5		CẦU ĐUỐNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
6		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963		PT CB	
7		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660		TD	
8		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
9		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
10		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400		PT CB	
11		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
12		CẦU ĐUỐNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
13		CẦU ĐUỐNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
14		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
15		CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
16		HÀ NAM NINH	12/6	567	27/6	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
17		CP ĐTTM&DV	14/6	687B	29/6	BN - 2519	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
18		CP VT THUỶ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CỤC 1A	1 234		1 234		TD	
19		XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	
20		SÔNG HỒNG	16/6	741	30/6	BN - 1746	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
21		CP HÀNG HẢI VN	18/6	823	30/6	HD - 5289	CÁM 8A	1 989		1 989		TD	
22		COALIMEX	20/6	879	30/6	BN - 1459	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
23		THANH HOÁ	20/6	880	30/6	BN - 1758	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
24		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CỤC 1B	900		900		TD	
25		CP ĐTTM&DV	20/6	908	30/6	TRUNG THÀNH 168	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 24 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		HẢI PHÒNG	21/6	937	30/6	HP - 5902	CẨM 7B	1 645		1 645		PT CB	
27		SÔNG HỒNG	21/6	970	30/6	BN - 0766	CỤC 1A	1 030		1 030		TD	
28		CP ĐTTM&DV	23/6	974	30/6	QN - 8785	CẨM 8A	2 100		2 100		TD	
29		CP DVVT QNINH	23/6	1 005	30/6	BN - 2397	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**3 450**	**-**	**3 450**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***3 450***		***3 450***			
1		CP DVVT QUẢN NINH	24/06	1536-B	30/06	BN 2225	CẨM 8C	1 070		1 070			GIA HẠN L1
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/06	1020/06	30/06	TĐ 01-CHN	CẨM 5B.14	2 380		2 380			
IV	**KHO CẢNG KM6**							**14 749**	**6 628**	**8 121**			
	Tàu đã làm hàng							***6 700***	***6 628***	***72***			
1		KDT MIỀN BẮC	23/6	1 006	30/6	CHÚC AN 28	Cám 5b.1	3 750	3 744	6	24/6	CBPT	
2		KDT MIỀN BẮC	24/6	1 017	30/6	VINACOMIN 06	Cám 5b.1	2 950	2 884	66	24/6	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***8 049***		***8 049***			
1		KHO VẬN ĐÁ BẠC	23/6	980	30/6	CỬA ÔNG 14	Cám 6a.1	2 100		2 100		CBPT	
2		VTT VINACOMIN	23/6	1 004	30/6	BN 2646	Don 8a	869		869		TD	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	24/6	1 018	30/6	BN 0869	Don 8b	1 000		1 000		TD	
4		THAN MIỀN NAM	24/6	1 038	30/6	TRUNG HIẾU 68	Cục 4a.2	1 400		1 400			
5							Cám 5a.1	1 750		1 750			
6		VTT VINACOMIN	24/6	1 046	30/6	BN 2365	Bùn 3c	930		930		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**3 000**	**-**	**3 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***3 000***		***3 000***			
1		Hàn Quốc	19/6	21/6		KIMBERLY 1	Cục 4a.3	3 000		3 000			KVDB:3.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIEU HÀNH***				**-**	**-**	**-**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 24 HÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	